

TÔN GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

Tóm tắt: *Xác định được vai trò của tôn giáo trong các chiến lược phát triển bền vững là một chủ đề được quan tâm không chỉ bởi các chính trị gia, các nhà ngoại giao, các nhà hoạt động xã hội, các lãnh đạo tôn giáo, mà còn vì sự quan tâm của giới học thuật. Trong bài viết này, chúng tôi cung cấp một cách khái quát những vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến vai trò của tôn giáo trong phát triển, lấy bền vững là tiêu chí. Bài viết chủ yếu làm nổi bật các chiều kích mà tôn giáo có thể đóng góp cho phát triển của xã hội trong quan tâm đến các mục tiêu lâu dài. Tuy thế, chúng tôi cũng không bỏ qua “tính lưỡng diện” của tôn giáo, với hàm ý rằng cần ý thức được những hạn chế của tôn giáo trong khả năng tham gia vào phát triển bền vững.*

Từ khóa: *Tôn giáo; phát triển bền vững; sinh thái học; kinh tế; hòa bình; xung đột.*

Dẫn nhập

Khi thế giới thừa nhận sự phục hồi tôn giáo trên phạm vi toàn cầu, và khi luận thuyết thể tục hóa cổ điển vốn tiên đoán sự thoái trào của tôn giáo đã được cho là thiếu cơ sở thực tiễn thì vai trò và vị trí của tôn giáo trong phát triển đất nước một cách bền vững bắt đầu được quan tâm nhiều hơn. Vấn đề vai trò của tôn giáo trong sự phát triển bền vững ngày càng được quan tâm không chỉ bởi các chính trị gia, các nhà ngoại giao, các nhà hoạt động xã hội, các lãnh đạo tôn giáo,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết được phát triển từ tham luận tại Hội thảo *Biến đổi quyền tự do tôn giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay* tổ chức tại Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2018 trong khuôn khổ Đề tài: *Biến đổi quyền tự do tôn giáo trong phát triển bền vững*, do Hoàng Văn Chung làm chủ nhiệm, năm 2017-2018.

Ngày nhận bài: 26/6/2018; Ngày biên tập: 02/7/2018; Ngày duyệt đăng: 16/7/2018.

mà còn là mối quan tâm của giới học thuật. Để giải phóng được sức mạnh của tôn giáo, người ta vẫn thường quay trở lại vấn đề cơ bản: sự đảm bảo quyền tự do tôn giáo bởi nhân tố nhà nước.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn cung cấp một cách khái quát về những vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững qua khai thác các công trình của các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Trong khi ngày càng có những kết quả nghiên cứu chỉ ra tôn giáo, đặc biệt trong môi trường mà quyền tự do tôn giáo được đảm bảo tốt, có những đóng góp tích cực cho sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế. Cũng có những nghiên cứu chỉ ra tầm quan trọng và ý nghĩa của tôn giáo trong bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, trong hỗ trợ kiến tạo hòa bình và an ninh cũng như chống và hạn chế xung đột. Nhưng tôn giáo cũng có những mặt hạn chế của mình và ảnh hưởng đến phát triển. Do đó, nhận thức về những hạn chế của tôn giáo trong phát triển cũng hết sức cần thiết. Bài viết của chúng tôi cố gắng bao quát những phương diện này, dù chưa thể đầy đủ.

Trong bài viết này, *tôn giáo* được hiểu là khái niệm rộng, song chúng tôi chủ yếu đề cập đến các tôn giáo thế giới và các tôn giáo đã thể chế hóa. Về khái niệm *phát triển bền vững*, chúng tôi sử dụng định nghĩa *Sustainable Development* do Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển (World Commission on Environment and Development) đề xuất năm 1987 và được các tổ chức và giới học thuật quốc tế cho đến nay vẫn thừa nhận một cách rộng rãi. Theo đó, “phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng các thế hệ tương lai thỏa mãn các nhu cầu của chính các thế hệ ấy”¹. Đây là một định nghĩa rộng, và sự hiện diện của yếu tố tôn giáo sẽ là như thế nào trong cách tiếp cận này, chúng tôi sẽ thể hiện ở phần nội dung dưới đây.

Một số vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững

Các truyền thống tôn giáo lớn trên thế giới, khi ra đời cách đây hàng ngàn năm, không nhất thiết đưa ra một cách giải quyết sự phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội hay bảo vệ môi trường sống. Nhưng một cách tự nhiên, các truyền thống tôn giáo ấy chỉ ra những con đường

kiến tạo những cộng đồng và xã hội có những tiêu chí khá tương đồng. Phật giáo được cho là đề cao sự bình đẳng xã hội và cách đề cao đó có thể phản ánh tư tưởng rằng đảm bảo bình đẳng và xóa đi các ranh giới của phân biệt đẳng cấp xã hội là một trong những nguyên tắc nhằm xây dựng một xã hội có sự ổn định và hài hòa. Kitô giáo lên tiếng vì tầng lớp người nghèo khó, cổ súy cho việc xây dựng xã hội dựa trên nền tảng đạo đức, sự khiêm nhường, đức hi sinh vì người khác, và cái nguy hại của thói tham lam của cải vật chất, v.v... Islam giáo cũng có những tiêu chí rèn luyện cá nhân và kiến tạo cộng đồng không có nhiều khác biệt. Nhìn chung, sự nhấn mạnh thường đặt vào mối quan hệ hài hòa giữa các cá nhân hay các nhóm dân cư, tính chính trực, lòng khoan dung, đức hi sinh, và sự quan tâm tương trợ người nghèo khó và đau khổ. Những tiêu chí quá tốt đẹp này, dù không phải lúc nào cũng dễ trở thành hiện thực, rõ ràng có thể được xem là những nền tảng hay điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của xã hội một cách bền vững. Trong quá trình lan tỏa ra khắp thế giới, các truyền thống tôn giáo này thích ứng với các môi trường cụ thể, kiến tạo và hỗ trợ sự phát triển của nền văn minh nhân loại và văn hóa của các vùng hay quốc gia.

Nhưng các tôn giáo có những mục đích của riêng mình, không nhất thiết phải tương thích với các đòi hỏi phát triển cụ thể của mỗi quốc gia hay khu vực. Do đó, vai trò của tôn giáo trong phát triển đã thể hiện cả phương diện tích cực và tiêu cực. Chúng tôi bắt đầu với những vai trò tích cực của tôn giáo, như sẽ trình bày dưới đây.

Vai trò tích cực

Luận thuyết Thế tục hóa (the thesis of secularism) cổ điển vốn tiên đoán tôn giáo sẽ thoái trào, mất đi ảnh hưởng xã hội và ý nghĩa và rút vào tồn tại trong các không gian riêng tư đã được xem là một thất bại của giới học thuật². Bất kể tiến trình Hiện đại hóa (modernizism) và Thế tục hóa (secularization), tôn giáo vẫn tồn tại và thể hiện sức ảnh hưởng đến nhiều phương diện khác nhau của xã hội³, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, cho đến giáo dục về nhân cách và lối sống.

Trong một hướng tiếp cận khác, trong công trình xuất bản năm 1959, Mircea Eliade (1907-1986), một nhà sử học tôn giáo rất có ảnh

hường đối với Tôn giáo học sau này, đã lý luận rằng con người nên được nhìn nhận là *con người tôn giáo* (homo religiosus)⁴. Theo cách nhìn này, nhân loại sinh ra đã tiềm ẩn một khao khát vươn đến cái siêu việt. Có thể họ không biết ai là Chúa Trời, nhưng có sẵn một khao khát tự nhiên tìm kiếm Chúa Trời. Khao khát ấy có thể bị đàn áp hoặc lơ tâng đi, nhưng về bản chất con người luôn tự vấn và đi tìm kiếm khả năng có một vị Chúa Trời tồn tại⁵. Cách nhìn này cũng thấy trong quan điểm của nhà tâm lý học người Mỹ - Abraham Maslow (1908-1970). Ông đã trình bày rằng, đời sống tâm linh (spiritual life) là một phần của bản chất người. Đời sống này là đặc điểm có tính xác định bản chất người và rằng không có nó bản chất người sẽ là không hoàn chỉnh⁶. Những phát biểu xác quyết như vậy gắn liền với một vấn đề cốt lõi của tiếp cận về nhân quyền và sự tự do trong liên quan đến tôn giáo mà Kevin J. Hasson đã chỉ ra: *Chúng ta là ai?*⁷ Có thể suy luận rằng nếu chúng ta là những *con người tôn giáo*, theo ý nghĩa là tôn giáo như một thành tố hay có sẵn không thể tách rời, thì việc phủ nhận bản chất tôn giáo của con người sẽ dẫn đến phủ nhận một phần bản chất người. Điều này kéo theo các hệ lụy về mất an ninh xã hội, và dẫn đến ảnh hưởng đến tính bền vững của sự phát triển.

Nhiều công trình nghiên cứu sau này đã khá phá lại một cách thận trọng vai trò và ý nghĩa của tôn giáo trong sự phát triển của xã hội một cách bền vững. Nói cách khác là trả lời câu hỏi: Tôn giáo có thể tham gia theo những cách nào vào phát triển xã hội? Một trong các nghiên cứu đáng chú ý là của Stephen Ellis và Gerrie Ter Haar công bố năm 2005. Trong bài viết này, lấy Châu Phi như là khu vực tập trung các quốc gia đang phát triển làm trường hợp nghiên cứu, hai tác giả đã chỉ ra 06 lĩnh vực mà tôn giáo có thể đóng vai trò tích cực cho phát triển, bao gồm:

Phòng chống xung đột và kiến tạo hòa bình (nhiều xung đột ở châu Phi là các xung đột có vũ trang. Các biện pháp can thiệp quốc tế nhằm phòng chống và giải quyết xung đột đều xem xét tôn giáo như một yếu tố);

Quản trị xã hội (trong khi năng lực quản trị xã hội và cung cấp phúc lợi của các chính phủ còn yếu, một số tổ chức tôn giáo cho thấy có thể làm tốt việc quản trị và phân bổ phúc lợi xã hội)

Tạo của cải và năng lực sản xuất (Tôn giáo cung cấp các ý tưởng về việc trở nên thịnh vượng cũng như cách thức quản lý tài nguyên đất đai);

Y tế và Giáo dục (ở Châu Phi việc mắc bệnh và chữa bệnh được nhìn nhận một cách tổng thể. Chữa bệnh nghĩa là chữa trị cả về tâm lý và thể chất. Tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong chữa bệnh ở nơi đây)⁸.

Theo cách nhìn từ kinh nghiệm quốc tế này, ta thấy tôn giáo hiện diện trong hầu hết các hoạt động quan trọng nhất của bất cứ xã hội nào mà vẫn thỏa mãn yêu cầu về tính bền vững, từ chính trị, kinh tế, an ninh, bình đẳng nam-nữ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo khả năng phát triển cho các thế hệ tương lai.

Năm 2007, Jeffrey Haynes xuất bản cuốn *Religion and Development: Conflict or Cooperation?* (*Tôn giáo và Phát triển: Xung đột hay hợp tác?*). Sau khi khái quát lại bối cảnh thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, trong đó tôn giáo bắt đầu được nhìn nhận lại một cách tích cực chứ không phải là sự cản trở tiêu cực trong liên hệ với phát triển như trước, tác giả cho thấy các tổ chức thế tục và tổ chức thành lập dựa trên niềm tin tôn giáo đã và đang đặt ra 4 vấn đề dưới dạng các câu hỏi hết sức căn bản như sau:

Bắt đầu thế kỷ 21, đối với thế giới, đâu sẽ là những ưu tiên về phát triển?

Làm thế nào để các tổ chức tôn giáo có thể hỗ trợ và làm sâu sắc các quá trình hợp tác, trợ giúp việc hiện thực hóa các ưu tiên và các mục tiêu phát triển?

Tôn giáo có vai trò gì trong hỗ trợ việc xác định và tái xác định những mục tiêu đó, bao gồm phương diện tâm linh của mình?

Tôn giáo có thể làm gì để giúp giải quyết những xung đột trong thế giới đang phát triển?⁹

Tác giả đã cho thấy những hướng trả lời khác nhau dẫn đến trong thực tiễn những cách khác nhau mà các tổ chức tôn giáo quốc tế và khu vực đã dẫn thân và tìm cách tham gia vào quá trình phát triển. Cụ thể hơn, trong Chương 2, tác giả tìm cách khẳng định những cách thức

mà tôn giáo liên hệ với các vấn đề phát triển trong thế giới các quốc gia đang phát triển bằng cách tham chiếu đối với 3 nhóm yếu tố: các ý tưởng (ideas), các thực hành (practices), và các kinh/trải nghiệm (experiences).

Bàn về vai trò mà nhân tố tôn giáo thể hiện trong phát triển xã hội, tác giả nhấn mạnh các mối liên hệ chặt chẽ với khái niệm *phát triển con người* (human development). Theo tổng hợp của ông, phát triển con người bao gồm:

Về mặt *chính trị và kinh tế*, phát triển con người quan tâm đến sự ổn định, an ninh, sự khá giả tương đối của công dân.

Về mặt *xã hội*, nó liên quan tới khả năng biết chữ, giáo dục, các quan hệ xã hội, và chất lượng cuộc sống.

Về mặt *đạo đức*, nó liên quan đến sự phát triển về lương tâm, nhận thức về đạo đức, ý chí và khả năng hành động dựa theo tri thức về xã hội và văn hóa được cho là đúng đắn.

Sau cùng, về mặt *tâm lý*, phát triển con người liên quan tới sự lành mạnh về tâm trí, lòng tự tôn, sự thành công trong các quan hệ có ý nghĩa, và hạnh phúc. Đặc biệt, tác giả chỉ rằng gần đây, các nhà nghiên cứu bắt đầu muốn làm nổi bật một yếu tố thêm vào nữa trong các phương diện này, đó là hai chiều kích *tôn giáo/tâm linh* của cuộc sống mỗi cá nhân¹⁰.

Từ đây, chúng ta có thể thấy lý luận cho ý nghĩa và sự quan trọng của phương diện tôn giáo/tâm linh trong phát triển mỗi cá nhân mở ra những hướng nghiên cứu về ý nghĩa và sự quan trọng của phương diện tôn giáo/tâm linh đối với phát triển của xã hội.

Về vai trò tích cực của tôn giáo trong phát triển kinh tế, ngày càng có những kết quả nghiên cứu khả quan. Các kết quả nghiên cứu cả ở trên phạm vi toàn cầu hay ở các khu vực địa lý nhỏ hẹp đều chỉ ra các biến số tham gia vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bao gồm gia tăng niềm tin, mức độ đảm bảo tự do tôn giáo, hay sự gia tăng lòng nhiệt thành tôn giáo. Ví dụ, ở Mỹ, trong năm 2016, theo tính toán của Brian Grim, các doanh nghiệp và tổ chức có liên quan đến tôn giáo cũng như những nhà nguyện mang lại đóng góp cho GDP mỗi năm ở mức

khoảng 1,2 ngàn tỷ đô la¹¹, nhiều hơn của cả các công ty, như: Google, Apple và Amazon cộng lại¹². Đây là một con số gây rất nhiều bất ngờ ở một quốc gia dẫn đầu thế giới về khoa học công nghệ như Mỹ¹³. Một ví dụ khác, hãy cùng xem xét các kết quả khảo sát mới trong đóng góp của tôn giáo (tuy nhiên thường là gián tiếp) vào phát triển kinh tế trên phạm vi *toàn cầu* qua một khảo cứu của Elijah Brown. Tác giả đã cho thấy tự do tôn giáo¹⁴ giúp tạo ra các nền kinh tế mạnh hơn, qua bốn cách sau đây:

- (1) Tự do tôn giáo thiết lập cạnh tranh kinh tế (những nền kinh tế kém cạnh tranh là những nền kinh tế yếu);
- (2) Tự do tôn giáo đóng góp vào tăng trưởng GDP;
- (3) Tự do tôn giáo giúp giảm thiểu tham nhũng, nhân rộng sự thịnh vượng theo cách bình đẳng hơn;
- (4) Tự do tôn giáo tạo điều kiện cho các cộng đồng tôn giáo gia nhập thị trường và điều này dẫn đến phát triển kinh tế¹⁵.

Tác giả cũng lọc các kết quả khảo sát ở Trung Đông và Châu Á để cho thấy tự do tôn giáo giúp tạo ra nhiều quốc gia ổn định hơn. Cụ thể các quốc gia có mức độ tự do tôn giáo cao thì: ít phải gánh chịu bạo lực; và tạo ra được mạng lưới an toàn bổ sung dành cho những nhóm dễ bị tổn thương¹⁶. Sự ổn định và hài hòa xã hội, do đó như chúng tôi đã chỉ ra, cũng là một trong các tiêu chí quan trọng của phát triển bền vững.

Vai trò của tôn giáo trong kiến tạo hòa bình và hóa giải, phòng chống xung đột cũng ngày càng được đề cao. Trong thế giới hiện nay, các lãnh đạo tôn giáo cũng như các tổ chức phi chính phủ dựa trên niềm tin tôn giáo cũng luôn đi đầu và làm việc không mệt mỏi cho hòa giải, chống xung đột, và áp dụng các biện pháp phi bạo lực để kiến tạo hòa bình. Họ vừa thuyết giảng, tác động đến chính phủ và các phương tiện truyền thông đại chúng, vừa đề xuất các sáng kiến hành động cho cộng đồng tín đồ của mình¹⁷.

Đối với vấn đề bảo vệ và dung dưỡng môi trường sinh thái, tôn giáo cũng đang được xem là có những đóng góp rất ý nghĩa. Theo tổng hợp của chúng tôi từ các thảo luận học thuật, có ít nhất 3 chiều

kích căn bản của mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái học. *Thứ nhất*, trong kinh sách của các tôn giáo lớn, đều có thể tìm thấy những quan điểm nhấn mạnh mối liên hệ sâu sắc giữa con người với tự nhiên, do đó gợi ý về sự tôn trọng và cần bảo vệ tự nhiên và các dạng sống. *Thứ hai*, tuy nhiên, cũng từ kinh sách, có những quan điểm rằng, sự gắn bó với thế giới hiện thực này là không quan trọng, do đó việc bảo vệ tự nhiên và các dạng sống khác cũng không có nhiều ý nghĩa. Đây là chiều hướng không tích cực như mong muốn. Nhưng nghiên cứu về nó là cần thiết để tìm ra cách ứng xử thích hợp hơn. *Thứ ba*, từ việc nhận diện các mối liên hệ giữa tôn giáo và sinh thái học thì người ta bắt đầu đưa ra những đề xuất nhằm mang phương diện tôn giáo vào bảo vệ môi trường tự nhiên và chống biến đổi khí hậu¹⁸. Nhìn chung, giới học thuật cũng như các lãnh đạo tôn giáo đang cố gắng chỉ ra các khả năng thúc đẩy các quan hệ hai chiều giữa con người và môi trường tự nhiên. Họ nhấn mạnh rằng quan hệ ấy phải được nhìn như mối quan hệ tương hỗ, tùy thuộc vào nhau, nhờ có nhau mà tồn tại và phát triển bền vững.

Chẳng hạn, Salie B. King đã chỉ ra một đặc điểm của các phong trào Phật giáo dân thân (engaged Buddhism) ở Châu Á hiện nay là sự ứng xử với những khủng hoảng của sinh thái¹⁹. Các nghiên cứu khác cho thấy các lãnh đạo Phật giáo đã và đang là những người bền bỉ và chủ động trong lên tiếng phản đối các hình thức khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc xây dựng nhà máy vốn sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống không chỉ của người dân ở địa phương mà góp cả vào tình trạng ô nhiễm toàn cầu. Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Đức Dalai Lama là những cá nhân tiêu biểu như thế. Năm 2014, tổ chức *Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu* (UNFCCC) đã mời Thiền sư Thích Nhất Hạnh viết một thông điệp ngắn nhằm truyền tải đến *Hội nghị thượng đỉnh về Biến đổi khí hậu* diễn ra tại Paris vào tháng 9 năm 2015 về vấn đề biến đổi khí hậu và về mối liên hệ giữa con người với con người, cũng như giữa con người với trái đất²⁰. Nhiều lãnh đạo tôn giáo ở Ấn Độ, Nepal, Mông Cổ, Thái Lan, v.v... đã thực hiện các nghi lễ nhằm *thiêng hóa* các ngọn núi hay cánh rừng, và đây là cách khá hữu hiệu nhằm bảo vệ

chúng khỏi bị tàn phá. Việc các tổ chức quốc tế mời các lãnh đạo tôn giáo phát biểu về vấn đề chung của toàn cầu như thế cho thấy sức ảnh hưởng của tôn giáo là rất đáng kể. Khái quát lại thì điều mà các tôn giáo có thể đóng góp nằm ở:

- (1) Tác động vào nhận thức của tín đồ về ý nghĩa và tầm quan trọng của bảo vệ môi sinh;
- (2) Khởi tạo và dẫn dắt các phong trào hoặc chương trình hành động (của cộng đồng hay mỗi cá nhân) xuất phát từ nhận thức;
- (3) Liên hệ trách nhiệm bảo vệ môi sinh với thực hành niềm tin tôn giáo;
- (4) Lên tiếng và tạo áp lực thông qua dư luận.

Như vậy, logic quen thuộc vẫn là việc tạo ra nhận thức, phổ biến nhận thức, và từ đó kiến tạo các động cơ cho hành động trong mỗi cá nhân và cộng đồng.

Trong bối cảnh học thuật ở Việt Nam hoặc về Việt Nam, cũng đã có những thảo luận về vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững. Trên phương diện rộng hơn, theo Hy Van Luong, ở Việt Nam, đã có sự chuyển đổi từ mọi diễn ngôn về chủ nghĩa quốc gia đều ưu tiên cho sự phát triển đất nước sang diễn ngôn về chủ nghĩa quốc gia với sự nhấn mạnh hơn yếu tố văn hóa bản địa, bản sắc dân tộc trong các diễn ngôn về xây dựng đất nước²¹. Ở đây, chúng tôi xem tôn giáo như một bộ phận của văn hóa. Xét trực tiếp hơn, nhiều nghiên cứu đã cung cấp những lý luận cho thấy vai trò của tôn giáo trong phát triển. Lê Quốc Lý cho rằng, phát triển bền vững là phát triển đảm bảo hài hòa cả ba mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Cụ thể hơn, tác giả nói đến 3 trụ cột với tầm quan trọng như nhau: *tăng trưởng kinh tế; bình đẳng và công bằng xã hội; đảm bảo môi trường và an sinh xã hội*²². Tác giả cũng chỉ ra các mối quan hệ của tôn giáo đối với cả ba trụ cột nêu trên, chỉ ra mối quan hệ hai bên cùng có lợi, và khẳng định tôn giáo chỉ có thể phát triển khi đồng hành cùng sự tiến bộ của xã hội²³. Đỗ Lan Hiền phân tích và chỉ ra vai trò của văn hóa tôn giáo trên các phương diện: cung cấp một hệ thống các học thuyết, tư tưởng chủ đạo; triết lý tôn giáo về sự phát triển hài hòa; vai trò của các cá nhân với

niềm tin tôn giáo và trí tuệ cũng như phẩm hạnh²⁴. Trong cách tiếp cận của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, phát triển bền vững không chỉ dừng ở 3 trụ cột mà hai tác giả đã nêu trên, mà còn bổ sung thêm một trụ cột khác được nhà nước xem xét trong điều kiện Việt Nam, cụ thể là *an ninh quốc phòng*. Nhiều nghiên cứu cụ thể hơn cũng đã chỉ ra những đóng góp cho phát triển đất nước của các truyền thống tôn giáo thông qua cung cấp các hệ giá trị đạo đức, định hướng về lối sống và hoàn thiện nhân cách con người.

Tôn giáo có thể cản trở các mục tiêu xây dựng và phát triển xã hội

Cần phải chú ý rằng tôn giáo luôn có tính lưỡng diện của mình. Không nhất thiết, bất cứ truyền thống tôn giáo nào cũng phải phục vụ các mục tiêu phát triển cụ thể và thể tục của các quốc gia trong bối cảnh hiện đại ngày nay. Đây là câu chuyện của thế giới quan tôn giáo đã hình thành từ khởi thủy; câu chuyện của nỗ lực khẳng định chân lý trong hàng ngàn năm tồn tại, câu chuyện của kiến tạo và bảo vệ uy tín của giáo hội; câu chuyện của duy trì và phát triển tín đồ trong bối cảnh đa dạng tôn giáo; và câu chuyện của thích ứng hay không thích ứng triết thuyết tôn giáo với tính hiện đại và môi trường sống thể tục. Trong một số trường hợp, việc tuân thủ và làm theo kinh sách, lời dạy của giáo chủ, các giáo luật và xu thế diễn giải thần học có thể không tương thích các tiêu chí phát triển bền vững của các xã hội thể tục và thậm chí là nguồn cội gây xung đột tôn giáo, xung đột xã hội, mâu thuẫn quốc gia, và đe dọa an ninh quốc gia và quốc tế.

Theo Jeffrey Haynes, trong liên hệ với phát triển, tôn giáo có cả vai trò tích cực và tiêu cực. Với vai trò tích cực, khi tôn giáo tạo động cơ cho sự dẫn thân của người dân vào việc mưu cầu các mục tiêu xây dựng xã hội và phát triển. Còn tôn giáo có vai trò tiêu cực là khi một tôn giáo: (i) tìm cách loại trừ tôn giáo khác, (ii) gây ra xung đột và bạo lực, và (iii) do đó mà làm tổn hại đến sự đạt lấy các mục tiêu xây dựng xã hội và phát triển²⁵.

Nhiều trường hợp xảy ra đã cho thấy nếu không có sự giới hạn, tự do biểu đạt niềm tin tôn giáo hoặc tự do thể hiện thế giới quan vô thần thái quá đều đã dẫn đến xung đột và bất ổn xã hội. Câu chuyện tranh biếm họa do Charlie Hedbo xuất bản dẫn tới trả thù đẫm máu của tín

đồ Islam giáo là một ví dụ tiêu biểu cho bạo lực xuất phát từ việc niềm tin tôn giáo bị xúc phạm. Nhưng quyền tự do tôn giáo có phải cũng bao gồm việc trả thù đối với người xúc phạm tôn giáo của mình không? Đây là câu hỏi đáng phải suy ngẫm. Sâu xa hơn, đối với người dân, việc hiểu về quyền tự do tôn giáo, sử dụng quyền này và ý thức được giới hạn của nó là thực sự quan trọng.

Về phía Nhà nước, nếu đảm bảo quyền tự do tôn giáo của người dân đồng thời bảo vệ vị trí thế tục và trung lập của mình một cách kiên quyết và triệt để thì cũng làm phát sinh những vấn đề phức tạp và khó giải quyết. Cho nên, việc xác định càng rõ các giới hạn cho cả phía chủ thể và khách thể trong câu chuyện đảm bảo và thực thi quyền tự do tôn giáo để sau cùng tất cả đều được sống trong một môi trường hòa đồng tự nhiên và có sự phát triển hài hòa và ổn định là điều quan trọng.

Xung đột và bạo lực là một trong những điểm trừ của nền văn minh nhân loại vào thế kỷ 21. Tôn giáo và an ninh là hai lĩnh vực ngày càng có các mối liên hệ chặt chẽ. Theo quan sát của nhiều nhà nghiên cứu, tôn giáo vừa là một phần của những vấn đề gây xung đột, đồng thời lại cũng là một phần của các giải pháp cho hòa bình, an ninh, và thịnh vượng²⁶. Cụ thể hơn, Dennis R. Hoover khi phân tích về mối quan hệ giữa tôn giáo và an ninh đã chỉ ra các dẫn chứng về xung đột tôn giáo xảy ra ở nhiều nơi, chẳng hạn như giữa người theo Hindu giáo và người theo Islam giáo (Ấn Độ), người theo Do Thái giáo và người theo Islam giáo (Bờ Tây, Trung Đông), người theo Kitô giáo với người theo Do Thái giáo và người theo Islam giáo (Đông Âu), hay giữa những người theo Kitô giáo ở Bắc Ireland. Rút ra từ nhiều nghiên cứu, tác giả nêu ra một luận điểm: “Các quốc gia không đảm bảo sự tôn giáo đối với tôn giáo sẽ bị tổn thương bởi nhiều đe dọa đáng kể đối với sự ổn định và tính an ninh. Ngược lại, các quốc gia mà tìm ra cách thức để bảo vệ sự đa dạng tôn giáo trong xã hội thì có khả năng cao trong sự chứng kiến an ninh bền vững thật sự”²⁷.

Như vậy, mối liên hệ giữa tính vững bền trong an ninh của một quốc gia - một điều kiện quan trọng cho phát triển - có thể bị quyết định bởi bầu không khí hài hòa hay không giữa các nhóm tôn giáo khác nhau cùng tồn tại trong một bối cảnh xã hội chung. Xuất phát từ

nhận thức về phương diện có tiềm năng tạo xung đột cái dẫn đến mất an ninh xã hội, nhiều quốc gia đã có những hành động chủ động nhằm hạn chế tối đa các mầm mống gây xung đột có yếu tố tôn giáo²⁸.

Về phía Nhà nước, nếu đảm bảo quyền tự do tôn giáo của người dân đồng thời bảo vệ vị trí thế tục và trung lập của mình một cách kiên quyết và triệt để thì cũng làm phát sinh những vấn đề phức tạp và khó giải quyết. Cho nên, việc xác định càng rõ các giới hạn cho cả phía chủ thể và khách thể trong câu chuyện đảm bảo và thực thi quyền tự do tôn giáo để sau cùng tất cả đều được sống trong một môi trường hòa đồng tự nhiên và có sự phát triển hài hòa và ổn định là điều quan trọng.

Kết luận

Nói về vai trò hay những đóng góp của tôn giáo trong phát triển bền vững, chúng tôi khái quát lại những chiều kích căn bản như mô hình dưới đây:



Tôn giáo tham gia các lĩnh vực phát triển của xã hội

Tuy nhiên, tôn giáo cũng có thể cản trở những dự án hay chương trình nhằm phát triển của xã hội. Thực tiễn cho thấy đã có những vấn đề phát sinh từ niềm tin và diễn tả niềm tin cũng như thực hành tôn giáo. Trong quá khứ, nhân loại đã phải trả giá cho chiến tranh tôn giáo. Hiện tại, xung đột tôn giáo thể hiện qua cuồng tín, kỳ thị, phân biệt đối xử, phi báng, xúc phạm và thù địch là một mối đe dọa có thật đối với sự bình yên của cộng đồng. Ở mức độ cao hơn, khủng bố dùng

bạo lực nhân danh niềm tin tôn giáo là một mối đe dọa lớn đến an ninh quốc gia. Vì thế, để tôn giáo tham gia vào phát triển xã hội bền vững thì các khuyến nghị về chính sách, giáo dục, vận động các phong trào xã hội là chưa đủ. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, New York: Oxford University Press, p. 8.
- 2 Xem: Rodney Stark (1999), *Secularization, R.I.P.*, *Sociology of Religion*, Oxford University Press, Vol. 60, No.3.
- 3 Xem: Scott M. Thomas (2005), *The Global Resurgence of Religion and the Transformation of International Relations*, Palgrave Macmillan.
- 4 Eliade Mircea (1959), *The Sacred and the Profane: the Nature of Religion*, New York: Harcourt.
- 5 Dẫn lại từ Kevin J. Hasson, “Neither Sacred nor Secular”, trong *Religion & Security: The New Nexus in International Relations*, eds. Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover, New York: Rowman & Littlefield Publishers, p. 152.
- 6 Abraham Maslow (1973), *The Farther Reaches of Human Nature*, Harmondsworth, Middlesex: Penguin Books, p. 341.
- 7 Kevin J. Hasson, “Neither Sacred nor Secular”, trong *Religion & Security: The New Nexus in International Relations*, eds. Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover, New York: Rowman & Littlefield Publishers, p. 152.
- 8 Stephen Ellis và Gerrie Ter Haar (2006), *The Role of Religion in Development: Towards a New Relationship between the European Union and Africa*, *European Journal of Development Research*, September 2006, pp.356-362.
- 9 Jeffrey Haynes (2007), *Religion and Development: Conflict or Cooperation?*, Palgrave Macmillan, p.5.
- 10 Jeffrey Haynes (2007). *Religion and Development*, Sdd, p.4.
- 11 Brian Grim and Melissa Grim (2016), *The Socio-economic Contribution of Religion to American Society: An Empirical Analysis*, *Interdisciplinary Journal of Research on Religion*, Vol. 12.
- 12 Kelsey Dallas, “Economic impact of religion: New report says it's worth more than Google, Apple and Amazon combined”. *Deseret News Faith*, 2016, truy cập tại: <https://www.deseretnews.com/article/865662454/Economic-impact-of-religion-New-report-says-its-worth-more-than-Google-Apple-and-Amazon-combined.html>, ngày 30 tháng 1 năm 2018.
- 13 Về các con số cụ thể cung cấp bởi các khảo cứu quốc tế về tác động của tôn giáo đến kinh tế, xem: Hoàng Văn Chung và Trần Thị Phương Anh (2018), “Một số thay đổi về quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế: Nghiên cứu trường hợp đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay”, Tham luận Hội thảo quốc tế: *Giao lưu văn hóa Việt - Pháp: Thành tựu và triển vọng*, Đại học Sư phạm Hà Nội, tháng 4 năm 2018.
- 14 Tự do tôn giáo ở đây được tác giả giải thích là việc hầu như thiếu vắng sự thù địch vì lý do tôn giáo (giữa các nhóm tôn giáo hoặc người có tôn giáo và người không có tôn giáo) cũng như sự giảm thiểu tối đa hạn chế từ phía Chính phủ.

- 15 Elijah Brown (2017), *Religious freedom grows economies and stabilizes countries*, Tham luận tại Hội thảo quốc tế *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Glocal.net, Hà Nội, tháng 4.
- 16 Xem: Elijah Brown (2017), Bài đã dẫn.
- 17 Xem: Hoàng Văn Chung (2014), *Xung đột và Hòa giải dưới góc nhìn của các nhà khoa học*, Hội thảo quốc tế, Ban Tôn giáo Chính phủ, Thành phố Hồ Chí Minh; Hoàng Văn Chung (2017), *Let's Flow like a River: Zen Master Thích Nhất Hạnh's Views on Social responsibility of Religion and Inter-religious Dialogue*, Hội thảo quốc tế *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, đã dẫn.
- 18 Xem: Đỗ Lan Hiền và Hoàng Văn Chung (2017), “Giới thiệu về Tôn giáo và Sinh thái học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, tr. 81-85.
- 19 Salie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism*, University of Hawai'i Press, Honolulu, p. 2.
- 20 Tham khảo: <http://langmai.org/cong-tam-quan/thong-bach/thong-diep-cua-thien-su-thich-nhat-hanh-goi-den-lien-hiep-quoc-ve-van-de-bien-doi-khi-hau>
- 21 Hy Van Luong (2007), The Restructuring of Vietnamese Nationalism 1954-2006, *Pacific Affairs*, Fall 2007, 8 (3), pp. 445-446.
- 22 Lê Quốc Lý (2015), “Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, trong Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo biên soạn), *Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 18.
- 23 Lê Quốc Lý (2015), Bài đã dẫn, tr. 21.
- 24 Đỗ Lan Hiền (2015), “Triết lý phát triển, phát triển bền vững nhìn từ góc độ văn hóa tôn giáo - trường hợp Việt Nam”, trong Trong Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo biên soạn), Sách đã dẫn, tr. 25-32.
- 25 Jeffrey Haynes (2007), *Religion and Development*, Sdd, p. 62.
- 26 Ví dụ, xem: Chris Seiple (2006), *Thinking about Religion & Stability: Social Disharmony or Social Stability?*, Hội thảo quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền ở Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9, tr. 5.
- 27 Dennis R. Hoover (2004), *Introduction: Religion gets real*, trong: Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover (eds), *Religion and Security: The new nexus in international relations*, Rowman&Littlefield, New York, pp. 2-3.
- 28 Xem: Hoàng Văn Chung (2016), “Khái quát một số thảo luận hiện nay về tôn giáo trong chính sách công”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abraham Maslow (1973), *The Farther Reaches of Human Nature*, Harmondsworth, Middlesex: Penguin Books.
2. Chris Seiple (2006), “Thinking about Religion & Stability: Social Disharmony or Social Stability?”, Hội thảo quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền ở Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9.
3. Dennis R. Hoover (2004), “Introduction: Religion gets real”, trong: Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover (eds), *Religion and Security: The new nexus in international relations*, Rowman&Littlefield, New York.

4. Đỗ Lan Hiền (2015), “Triết lý phát triển, phát triển bền vững nhìn từ góc độ văn hóa tôn giáo - trường hợp Việt Nam” trong: Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo biên soạn) *Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Đỗ Lan Hiền và Hoàng Văn Chung (2017), “Giới thiệu về Tôn giáo và Sinh thái học”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 11.
6. Eliade Mircea (1959), *The Sacred and the Profane: the Nature of Religion*, New York: Harcourt.
7. Elijah Brown (2017), “Religious freedom grows economies and stabilizes countries”, Tham luận tại Hội thảo quốc tế: *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Glocal.net, Hà Nội, tháng 4.
8. Hoàng Văn Chung (2014), “Xung đột và Hòa giải dưới góc nhìn của các nhà khoa học”, Hội thảo quốc tế, Ban Tôn giáo Chính phủ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Văn Chung (2017), Let’s Flow like a River: Zen Master Thích Nhất Hạnh’s Views on Social responsibility of Religion and Inter-religious Dialogue, Hội thảo quốc tế: *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Glocal.net, Hà Nội, 4/2017.
10. Hoàng Văn Chung (2016), “Khái quát một số thảo luận hiện nay về tôn giáo trong chính sách công”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
11. Hoàng Văn Chung và Trần Thị Phương Anh (2018), “Một số thay đổi về quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế: Nghiên cứu trường hợp đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay”, Tham luận tại Hội thảo quốc tế: *Giao lưu văn hóa Việt-Pháp: Thành tựu và triển vọng*, Đại học Sư phạm Hà Nội, tháng 4.
12. <http://langmai.org/cong-tam-quan/thong-bach/thong-diep-cua-thien-su-thich-nhat-hanh-goi-den-lien-hiep-quoc-ve-van-de-bien-doi-khi-hau>
13. Hy Van Luong (2007), “The Restructuring of Vietnamese Nationalism 1954 - 2006”, *Pacific Affairs*, Fall, 2007, 8 (3).
14. Jeffrey Haynes (2007), *Religion and Development: Conflict or Cooperation?*, Palgrave Macmillan.
15. Kevin J. Hasson, “Neither Sacred nor Secular”, trong *Religion & Security: The New Nexus in International Relations*, eds. Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover, New York: Rowman & Littlefield Publishers.
16. Kelsey Dallas. “Economic impact of religion: New report says it's worth more than Google, Apple and Amazon combined”, *Deseret News Faith*, 2016, truy cập tại: <https://www.deseretnews.com/article/865662454/Economic-impact-of-religion-New-report-says-its-worth-more-than-Google-Apple-and-Amazon-combined.html>
17. Lê Quốc Lý (2015), “Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, trong: Tạ Ngọc Tấn (chỉ đạo biên soạn), *Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Rodney Stark (1999), “Secularization, R.I.P”, *Sociology of Religion*, Oxford University Press, Vol. 60, No. 3.
19. Salie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism*, University of Hawai'i Press, Honolulu.
20. Scott M. Thomas (2005), *The Global Resurgence of Religion and the Transformation of International Relations*, Palgrave Macmillan.

21. Stephen Ellis và Gerrie Ter Haar (2006), “The Role of Religion in Development: Towards a New Relationship between the European Union and Africa”, *European Journal of Development Research*, September.
22. World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, New York: Oxford University Press.

Abstract

RELIGIONS IN THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT: THEORETIC ISSUES

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies, VASS

Identifying the role of religion in sustainable development strategies is not only a topic concerned by politicians, diplomats, activists, religious leaders, but it is also interested by academics. In this article, the author shows an overview of theoretical issues directly related to the role of religion in development, sustainability is considered as a criterion. The article mainly highlights the dimensions in which religion can contribute to the social development in the interest of long-term goals. However, the author does not ignore the “duality” of religion, it needs to be aware of the limitations of religion in participating in sustainable development.

Keywords: Religion; sustainable development; ecology; economy; peace; conflict.